

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa”
tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Đề án số 04-ĐA/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Thành ủy Hải Phòng về xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 86-TB/ĐU ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về việc Đề án Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU và Nghị quyết số 05-NQ/TU của Thành ủy Hải Phòng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1783/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo (Có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT TU, TT HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Ban TG&DV Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, đặc khu;
- CPVP UBND thành phố;
- Phòng: VX, NV&KTGS;
- Lưu: VT, Đ.H.Hưng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Phụng

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG MÔ HÌNH “TRƯỜNG HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA” TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

Phần thứ nhất: SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

| | |
|-----------------------------------|---|
| I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ..... | 1 |
| 1. Cơ sở chính trị..... | 1 |
| 2. Cơ sở pháp lý..... | 2 |
| II. SỰ CẦN THIẾT..... | 3 |

Phần thứ hai: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ

| | |
|--|----|
| I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG..... | 6 |
| 1. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo và người học..... | 6 |
| 2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên..... | 7 |
| 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị..... | 8 |
| 4. Chất lượng giáo dục và đào tạo..... | 10 |
| II. ĐÁNH GIÁ CHUNG..... | 12 |

Phần thứ ba: MỤC TIÊU, MÔ HÌNH, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

| | |
|---|----|
| I. MỤC TIÊU..... | 16 |
| II. BỘ TIÊU CHÍ MÔ HÌNH..... | 16 |
| III. MÔ HÌNH, TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030..... | 17 |
| 1. Đối với cấp Mầm non..... | 17 |
| 2. Đối với cấp học Tiểu học..... | 19 |
| 3. Đối với cấp Trung học cơ sở..... | 24 |
| IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP..... | 27 |
| 1. Nhiệm vụ..... | 27 |
| 2. Giải pháp..... | 28 |
| V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN..... | 30 |

Phần thứ tư: THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

| | |
|---|----|
| I. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG 09 TRƯỜNG THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH..... | 33 |
| 1. Khái quát thực trạng 9 trường..... | 33 |
| 2. Đánh giá chung..... | 33 |
| II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN..... | 33 |

| | |
|---|-----------|
| 1. Nhóm trường Mầm non | 34 |
| 2. Nhóm trường Tiểu học | 35 |
| 3. Nhóm trường Trung học cơ sở | 36 |
| 4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung cho cả 9 trường | 36 |
| III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI..... | 37 |
| 1. Hiệu quả kinh tế | 38 |
| 2. Hiệu quả xã hội | 38 |
| 3. Hiệu quả về giáo dục và đào tạo | 39 |
| 4. Khả năng nhân rộng và tác động lâu dài | 40 |
| Phần thứ năm: TỔ CHỨC THỰC HIỆN | |
| I. KINH PHÍ THỰC HIỆN | 41 |
| II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM | 42 |

Phần thứ nhất
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 96-KL/TW ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Đề án số 04-ĐA/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Thành ủy Hải Phòng về xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình Chủ nghĩa

xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

- Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU và Nghị quyết số 05-NQ/TU của Thành uỷ Hải Phòng.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Quy định phòng học bộ môn ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở;

- Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các văn bản của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT), phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số và triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW trên địa bàn thành phố.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 20/10/2024, phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 (Khóa XIV), đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ: “Mỗi địa phương cần cụ thể hoá, xác định rõ định hướng, giải pháp xây dựng mô hình Xã hội chủ nghĩa gắn với con người Xã hội chủ nghĩa ở từng địa phương, Hải Phòng, Đà Nẵng đi đầu thực hiện, tạo cơ sở rút kinh nghiệm, nhân rộng trong cả nước”. Ngày 14/11/2024, trong chuyến thăm và làm việc với Đảng bộ thành phố Hải Phòng, một lần nữa đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh: “Là địa phương năng động, sáng tạo, Hải Phòng càng phải chủ động và càng có điều kiện xây dựng, phát hiện những mô hình mới từ trong thực tiễn phát triển phong phú của thành phố”.

Từ những tiền đề lý luận, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ

đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, cùng với những thành tựu đã đạt được trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội và thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, việc thành phố Hải Phòng là tỉnh, thành đầu tiên trên cả nước nghiên cứu xây dựng mô hình và đề xuất giải pháp xây dựng Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại địa phương, để từ đó nhân rộng trong cả nước, là việc làm hết sức cần thiết và có nhiều ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của thành phố và đất nước trong thời gian tới. Từ chỉ đạo trên, Đề án số 04-ĐA/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Thành ủy Hải Phòng về xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo; Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU và Nghị quyết số 05-NQ/TU của Thành ủy Hải Phòng đã được ban hành. Theo đó, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng đề án Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo (là 01 trong 11 mô hình của Đề án tổng thể).

Đề án Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo được xây dựng đáp ứng một số nội dung sau đây:

Thứ nhất: Giáo dục và đào tạo là nền tảng xây dựng con người và phát triển bền vững trong giai đoạn phát triển mới, Hải Phòng đặt ra yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo, kỷ luật lao động và khả năng hội nhập. Các mô hình trường học hiện đại trên thế giới và trong nước đều khẳng định vai trò của quản trị dựa trên dữ liệu, dạy học phát triển năng lực, môi trường học đường hạnh phúc, an toàn và hệ sinh thái hỗ trợ học tập. Hải Phòng có điều kiện về tiềm lực phát triển, năng lực quản trị và quyết tâm chính trị để triển khai mô hình điểm, tạo khác biệt về chất lượng và công bằng giáo dục. Thực tiễn phát triển giáo dục trên địa bàn cho thấy nhu cầu nâng cấp cơ sở vật chất, chuyển đổi số, tăng cường năng lực đội ngũ và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục là rất cấp thiết.

Thứ hai: Mô hình Trường học xã hội chủ nghĩa tiến tới hình thành hệ sinh thái giáo dục tiên tiến, công bằng, nhân văn và hội nhập; bảo đảm mọi học sinh được thụ hưởng điều kiện học tập tốt; phát triển toàn diện phẩm chất - năng lực - sức khỏe - trách nhiệm công dân. Việc lựa chọn 09 trường thí điểm mô hình trường học xã hội chủ nghĩa tạo điểm tựa để chuẩn hóa tiêu chí, thiết lập quy trình vận hành và xây dựng minh chứng thực tiễn trước khi nhân rộng.

Thứ ba: Đề án này cụ thể hóa chủ trương của Thành ủy Hải Phòng về xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa giai đoạn

2026 - 2030 và những năm tiếp theo; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết 05-NQ/TU đối với mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa”. Mục tiêu trọng tâm của Đề án là thí điểm hoàn thiện mô hình tại 09 trường (03 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường THCS) theo 05 tiêu chí/đặc trưng, tạo hạt nhân lan tỏa để nhân rộng trong hệ thống giáo dục thành phố.

Thứ tư: Đề án này đã cụ thể hóa, thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đồng bộ các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 71-NQ/TW và các Nghị quyết, kết luận có liên quan của Trung ương, của Thành ủy về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; chuyển hóa các chủ trương lớn thành mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, nhiệm vụ cụ thể, gắn với điều kiện và đặc thù của thành phố.

Với các lý do nêu trên việc xây dựng Đề án ***Xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo*** là cần thiết.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON
VÀ PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG

1. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo và người học

Toàn thành phố có 1.662 cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học (công lập 1.446, chiếm 87%; tư thục 216, chiếm 13%); quy mô 1.089.448 người học (công lập 1.000.898, chiếm 91,87%; tư thục 88.550, chiếm 8,13%); giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh bình quân khoảng 96.300 học sinh, sinh viên, học viên/năm, qua đó cho thấy mạng lưới giáo dục được tổ chức tương đối đầy đủ, phủ kín các cấp học, đa dạng loại hình, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của thành phố, cụ thể như sau:

1.1. Giáo dục Mầm non

Thành phố hiện có 596 trường mầm non (465 trường công lập, chiếm 78,02%; 131 trường tư thục, chiếm 21,98%) và 425 cơ sở giáo dục mầm non độc lập toàn cấp có 9.056 nhóm, lớp (6.646 lớp mẫu giáo, 2.410 nhóm trẻ), trong đó 7.057 nhóm, lớp thuộc các trường mầm non công lập và 2.000 nhóm, lớp thuộc các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập (22,08%). Số trẻ ra lớp là 205.369 (163.873 trẻ mẫu giáo, 41.496 trẻ nhà trẻ), trong đó 170.493 trẻ học tại các trường mầm non công lập (83,02%) và 34.876 trẻ học tại các cơ sở giáo dục mầm non tư thục (16,98%), cho thấy mạng lưới giáo dục mầm non được phủ kín, quy mô phát triển ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu gửi trẻ trên địa bàn.

1.2. Giáo dục Tiểu học

Thành phố hiện có 437 trường tiểu học, trong đó 434 trường công lập (99,31%) và 03 trường tư thục (0,69%), có 01 trường công lập giáo dục chuyên biệt; đồng thời có 38 cơ sở giáo dục phổ thông có cấp tiểu học (29 trường công lập, 09 trường ngoài công lập). Tổng số lớp tiểu học là 10.385, bình quân 23,76 lớp/trường toàn cấp học có 339.260 học sinh, trong đó 338.406 học sinh học tại các trường công lập (99,75%) và 854 học sinh học tại các trường tư thục (0,25%), bình quân 32,67 học sinh/lớp; có 1.216 học sinh khuyết tật học chuyên biệt và hòa nhập (khoảng 0,3% tổng số học sinh tiểu học). Mạng lưới và quy mô giáo dục tiểu học phát triển ổn định, bền vững, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

1.3. Giáo dục Trung học cơ sở

Toàn thành phố hiện có 426 trường trung học cơ sở, trong đó 423 trường công lập (99,30%) và 03 trường tư thục (0,70%), với 12 trường trung học cơ sở công lập trọng điểm, chất lượng cao giữ vai trò nòng cốt. Tổng số lớp là 7.462, bình quân 17,52 lớp/trường; quy mô học sinh 306.174 em, trong đó 305.926 học sinh học tại các trường công lập (99,92%) và 248 học sinh học tại các trường tư thục (0,08%),

bình quân 41,03 học sinh/lớp. Mạng lưới và quy mô giáo dục trung học cơ sở được củng cố theo hướng ổn định, tạo cơ sở quan trọng cho nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, song sĩ số bình quân/lớp còn ở mức cao tại một số địa bàn đô thị, khu vực đông dân.

1.4. Giáo dục Trung học phổ thông

Toàn thành phố hiện có 129 trường THPT, trong đó 82 trường công lập (63,57%) và 47 trường tư thục (36,43%); trong số các trường công lập có 02 trường THPT chuyên, 78 trường THPT công lập và 02 trường THPT công lập tự chủ. Tổng số lớp là 3.532, bình quân 27,38 lớp/trường. Cấp THPT có 152.109 HS, trong đó 111.690 HS học tại các trường công lập (73,43%) và 40.419 HS học tại các trường tư thục (26,57%), bình quân 43,07 HS/lớp. Mạng lưới và quy mô giáo dục THPT phát triển theo hướng đa dạng loại hình, mức độ xã hội hóa cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và phân hóa sau THCS.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Toàn thành phố hiện có 72.055 cán bộ, giáo viên, nhân viên (công lập 62.535 người, chiếm 86,79%; tư thục 9.520 người, chiếm 13,21%). Riêng khối biên chế công lập từ mầm non đến trung học phổ thông có 51.769 người, trong đó đạt chuẩn trở lên 51.049 người (98,61%), chưa đạt 720 người (1,39%); cơ cấu chất lượng gồm cán bộ quản lý 3.501 người, đạt chuẩn 3.498 (99,91%); giáo viên 44.927 người, đạt chuẩn 44.247 (98,57%); nhân viên 2.720 người, 100% đạt chuẩn, cụ thể như sau:

2.1. Giáo dục Mầm non

Cấp học mầm non có 24.857 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong đó 19.667 người làm việc tại các cơ sở mầm non công lập (79,12%) và 5.190 người tại các cơ sở ngoài công lập (20,88%).

Tổng số biên chế hiện có ở khối công lập là 16.108 người (1.364 cán bộ quản lý, 14.311 giáo viên, 433 nhân viên), còn thiếu cục bộ 576 người so với biên chế giao và 1.472 người so với định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỉ lệ giáo viên biên chế/lớp đạt 1,99, thấp hơn định mức 2,2-2,5 giáo viên/lớp. Đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non công lập đạt chuẩn, trên chuẩn 100% (01 tiến sĩ, 165 thạc sĩ, 1.198 cử nhân); trong 14.311 giáo viên có 14.222 người đạt chuẩn trở lên (99,4%), 14 thạc sĩ và 13.085 cử nhân; nhân viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên.

2.2. Giáo dục Tiểu học

Cấp tiểu học có 17.499 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong đó 17.443 người làm việc tại các cơ sở tiểu học công lập (99,68%) và 56 người tại các cơ sở tiểu học tư thục (0,32%).

Tổng số biên chế hiện có ở khối công lập là 16.247 người (1.009 cán bộ quản lý, 14.333 giáo viên, 905 nhân viên), còn thiếu cục bộ 1.175 người so với biên chế giao và 979 người so với định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỉ lệ giáo viên biên chế/lớp đạt 1,37, thấp hơn định mức 1,50 giáo viên/lớp. Đội ngũ cán bộ quản lý các

trường tiểu học công lập có 1.009 người, trong đó 1.007 người đạt chuẩn trở lên (99,8%), 01 tiến sĩ và 335 thạc sĩ (trên chuẩn 30,6%); 14.333 giáo viên, trong đó 14.015 giáo viên đạt chuẩn trở lên (97,8%), 348 giáo viên trình độ thạc sĩ (khoảng 2,4%); nhân viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc đạt 81,67% (989/1.211).

2.3. Giáo dục Trung học cơ sở

Cấp trung học cơ sở có 14.628 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong đó 14.583 người làm việc tại các trường trung học cơ sở công lập (99,69%) và 45 người tại các trường trung học cơ sở tư thục (0,31%).

Tổng số biên chế hiện có ở khối công lập là 13.362 người (892 cán bộ quản lý, 11.345 giáo viên, 1.125 nhân viên), còn thiếu cục bộ 1.270 người so với biên chế giao và 2.464 người so với định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỷ lệ giáo viên biên chế/lớp đạt 1,56 thấp hơn định mức 1,90 giáo viên/lớp, là cấp học thiếu giáo viên so với định mức cao nhất trong các cấp phổ thông. Đội ngũ cán bộ quản lý các trường Trung học cơ sở công lập có 892 người, 891 người đạt chuẩn trở lên (xấp xỉ 100%), 02 tiến sĩ và 309 thạc sĩ (trên chuẩn 34,8%); 11.345 giáo viên, trong đó 11.148 giáo viên đạt chuẩn trở lên (98,3%), 02 tiến sĩ và 309 thạc sĩ (311 giáo viên, khoảng 2,8%); nhân viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên; tỷ lệ giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc đạt 89,35% (1.343/1.503).

2.4. Giáo dục Trung học phổ thông

Cấp THPT có 7.316 CB, GV, NV; trong đó 5.805 người làm việc tại các trường THPT công lập (79,35%) và 1.511 người tại các trường THPT tư thục (20,65%).

Tổng số biên chế hiện có ở khối công lập là 5.434 người (236 CBQL, 4.938 GV, 260 NV), còn thiếu cục bộ 132 người so với biên chế giao và 860 người so với định mức của Bộ GDĐT; tỷ lệ GV biên chế/lớp đạt 1,92, thấp hơn định mức 2,25 GV/lớp, gây khó khăn trong tổ chức dạy học phân hóa, lựa chọn môn học và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đội ngũ CBQL các trường THPT công lập có 236 người, 100% đạt chuẩn, trong đó 10 tiến sĩ và 173 thạc sĩ (trên chuẩn 76,6%); 4.938 GV, 100% đạt chuẩn, trong đó khoảng 28-29% trên chuẩn (18 tiến sĩ, 1.369 thạc sĩ); NV 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc đạt 89,40% (801/896).

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Toàn ngành được bố trí quỹ đất khoảng 1.358 ha, thiếu cục bộ khoảng 91,3 ha (335 cơ sở từ mầm non đến trung học phổ thông, 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học); hệ thống phòng học/phòng chức năng cơ bản kiên cố, với tỷ lệ phòng kiên cố ở các cấp đạt mức cao (khoảng 95,07%). Về trang thiết bị dạy học, khối mầm non đến trung học phổ thông hiện đáp ứng bình quân khoảng 65,25% nhu cầu; khối giáo dục nghề nghiệp đáp ứng khoảng 50-60% định mức thiết bị đào tạo, cụ thể như sau:

3.1. Giáo dục Mầm non

Quỹ đất dành cho giáo dục mầm non đạt 282,7696 ha; một số trường ở khu trung tâm đô thị vẫn thiếu diện tích cục bộ, tổng thiếu khoảng 9,912 ha¹ toàn cấp có 7.173 phòng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, trong đó 6.848 phòng kiên cố (95,4%), còn thiếu 725 phòng; 1.101 phòng phục vụ học tập, thiếu 964 phòng; 7.418 nhà vệ sinh, thiếu 394 nhà vệ sinh. Có 356/465 trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia (76,55%), trong đó mức độ 1 đạt 53,76%, mức độ 2 đạt 22,79% về thiết bị dạy học, toàn cấp có 174.021 bộ (đáp ứng khoảng 96% nhu cầu), cần bổ sung 4.792 bộ; các cơ sở mầm non tập trung bổ sung, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi, thiết bị nuôi dưỡng - chăm sóc, ưu tiên hỗ trợ phát triển vận động, ngôn ngữ, kỹ năng xã hội cho trẻ toàn cấp có 5.301 phòng được trang bị tv/máy chiếu/bảng tương tác; 5.408 máy tính đang hoạt động.

3.2. Giáo dục Tiểu học

Quỹ đất dành cho giáo dục tiểu học đạt 332,354 ha; một số trường ở khu trung tâm đô thị vẫn thiếu diện tích cục bộ, tổng thiếu khoảng 25,6823 ha² toàn cấp có 9.889 phòng học, trong đó 9.430 phòng kiên cố (95,4%), còn thiếu 1.131 phòng; 1.778 phòng học bộ môn, thiếu 976 phòng; 2.145 nhà vệ sinh, thiếu 390 nhà vệ sinh. Có 341/434 trường tiểu học công lập đạt chuẩn quốc gia (78,57%), trong đó mức độ 1 đạt 51,61%, mức độ 2 đạt 26,95% về thiết bị dạy học, cấp tiểu học có 227.108 bộ (đáp ứng khoảng 56% nhu cầu), cần bổ sung 65.164 bộ; các trường tiểu học ưu tiên hoàn thiện bộ thiết bị tối thiểu, thư viện và học liệu số, nhất là cho môn tiếng Việt, Toán, ngoại ngữ và hoạt động trải nghiệm, nhằm củng cố nền tảng tri thức và kỹ năng tự học của học sinh toàn cấp có 457 phòng ngoại ngữ; 10.187 phòng được trang bị TV/máy chiếu/bảng tương tác; 12.508 máy tính đang hoạt động.

3.3. Giáo dục Trung học cơ sở

Quỹ đất dành cho giáo dục trung học cơ sở đạt 356,7485 ha; một số trường ở khu trung tâm đô thị vẫn thiếu diện tích cục bộ, tổng thiếu khoảng 30,1219 ha³ toàn cấp có 7.177 phòng học, trong đó 6.751 phòng kiên cố (94,1%), còn thiếu 1.342 phòng; 2.412 phòng học bộ môn, thiếu 1.513 phòng; 1.590 nhà vệ sinh, thiếu 252 nhà vệ sinh. Có 325/424 trường trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia (76,65%), trong đó mức độ 1 đạt 53,77%, mức độ 2 đạt 22,87% về thiết bị dạy học,

1 Có 99 trường mn thiếu 9,912 ha; trong đó 31 trường có khả năng bố trí quỹ đất để xử lý, gồm 30 trường mở rộng và 01 trường dự kiến di dời; 18/31 trường đã xác định được vị trí cụ thể (tổng diện tích dự kiến bố trí 5,11 ha), 68 trường còn lại hiện chưa có quỹ đất phù hợp để mở rộng.

2 Có 113 trường th thiếu 25,6823 ha; trong đó 32 trường có khả năng bố trí quỹ đất để xử lý, gồm 30 trường mở rộng và 02 trường dự kiến di dời; 10/32 trường đã xác định được vị trí cụ thể, tổng diện tích dự kiến bố trí 9,2725 ha; 81 trường còn lại hiện chưa có quỹ đất phù hợp để mở rộng.

3 Có 106 trường Trung học cơ sở thiếu 30,1219 ha; trong đó 33 trường có khả năng bố trí quỹ đất để xử lý, gồm 29 trường mở rộng và 04 trường dự kiến di dời; 16/33 trường đã xác định được vị trí cụ thể, tổng diện tích dự kiến bố trí 13,4518 ha; 73 trường còn lại hiện chưa có quỹ đất phù hợp để mở rộng.

cấp trung học cơ sở có 191.921 bộ (đáp ứng khoảng 63% nhu cầu), cần bổ sung 37.405 bộ; các trường trung học cơ sở chú trọng đầu tư, khai thác hiệu quả phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, thực hành và học liệu số, phục vụ dạy học phát triển năng lực, phẩm chất và hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh toàn cấp có 342 phòng ngoại ngữ; 6.728 phòng được trang bị TV/máy chiếu/bảng tương tác; 10.534 máy tính đang hoạt động.

3.4. Giáo dục Trung học phổ thông

Quỹ đất dành cho giáo dục THPT đạt 146,0805 ha; một số trường ở khu trung tâm đô thị vẫn thiếu diện tích cục bộ, tổng thiếu khoảng 5,6032 ha⁴. Toàn cấp có 2.556 phòng học, trong đó 2.449 phòng kiên cố (95,8%), còn thiếu 547 phòng; 439 phòng học bộ môn, thiếu 382 phòng; 577 nhà vệ sinh, thiếu 108 nhà vệ sinh. Có 59/82 trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia (71,95%); tỷ lệ trường đạt chuẩn mức độ 1 là 52,43% (cả 2 trường THPT chuyên đều chưa đạt chuẩn quốc gia), mức độ 2 đạt 19,51%. Về thiết bị dạy học, cấp THPT có 67.297 bộ (đáp ứng khoảng 46% nhu cầu), cần bổ sung 24.494 bộ; các trường THPT tập trung hoàn thiện phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, phương tiện dạy học số gắn với các tổ hợp môn lựa chọn, định hướng nghề nghiệp, bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học phân hóa và tư vấn hướng nghiệp cho HS. Toàn cấp có 128 phòng ngoại ngữ; 3.626 phòng được trang bị TV/máy chiếu/bảng tương tác; 7.345 máy tính đang hoạt động.

4. Chất lượng giáo dục và đào tạo

4.1. Giáo dục Mầm non

Trẻ được phát triển toàn diện theo 5 lĩnh vực (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội). Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, an toàn được bảo đảm: 100% cơ sở đủ điều kiện tổ chức bán trú; 99,93% trẻ ăn bán trú; 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi tăng trưởng. Tỷ lệ suy dinh dưỡng: Nhẹ cân 0,63% (nhà trẻ), 0,76% (mẫu giáo); thấp còi 1,64% (nhà trẻ), 1,25% (mẫu giáo). Tỷ lệ thừa cân, béo phì: 0,77% (nhà trẻ), 2,91% (mẫu giáo). An toàn trường học: 590/594 trường mầm non và 449/452 cơ sở độc lập (99,3%) đạt “Trường học an toàn” theo thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT.

Hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh được quan tâm, triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 50/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, toàn thành phố có 258 cơ sở (254 trường và 04 cơ sở độc lập) với 44.651 trẻ mẫu giáo (24%).

4.2. Giáo dục Tiểu học

⁴ Có 17 trường THPT thiếu 5,6032 ha; trong đó 08 trường có khả năng bố trí quỹ đất để xử lý, gồm 07 trường mở rộng và 01 trường dự kiến di dời; 08/08 trường đã xác định được vị trí cụ thể, tổng diện tích dự kiến bố trí 2,7807 ha; 09 trường còn lại hiện chưa có quỹ đất phù hợp để mở rộng.

Chất lượng giáo dục tiểu học được duy trì ổn định và nâng lên. Phổ cập thực hiện tốt: Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp trên 99,9%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình trên 98% trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện song song hai chương trình, tỉ lệ học sinh hoàn thành các môn đạt từ 98,5% trở lên; học sinh chưa hoàn thành (tính đến 31/5 hằng năm) chỉ từ 1 đến 1,5%. Kết quả giáo dục đại trà năm học 2024 - 2025: Tổng số 347.969 học sinh tham gia đánh giá, chia ra: 176.093 học sinh hoàn thành xuất sắc (đạt tỉ lệ 50,6%); 62.812 học sinh hoàn thành tốt (18,05%); 107.480 học sinh hoàn thành (30,89%); 1.610 học sinh chưa hoàn thành (0,46%).

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tiến sát yêu cầu chương trình GDPT 2018; năm học 2024 - 2025 đạt 331.796 học sinh (95,02%); 10.062 lớp (96,82%); 417 trường (95,4%).

Tỉ lệ học ngoại ngữ và tin học tăng đều, đến năm học 2024 - 2025 lần lượt đạt 344.296 học sinh (98,6%) và 231.858 học sinh (66,4%), trong đó bảo đảm 100% học sinh lớp 3, 4, 5 được học ngoại ngữ và tin học (211.243 học sinh). Dịch vụ bán trú được mở rộng, bảo đảm chất lượng; 172.847 học sinh ăn bán trú đạt tỉ lệ 49,5% (phía đông 50,4%, phía tây 45,09%).

4.3. Giáo dục Trung học

4.3.1. Kết quả giáo dục đại trà

Giáo dục trung học giữ vững nhóm dẫn đầu cả nước. Giai đoạn 2021 - 2025, điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông luôn thuộc top 10; năm 2024 xếp thứ 6 toàn quốc, năm 2025 thứ 4 (sau Ninh Bình, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh). Tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm trên 99,5% (cả nước: 99,2%); tỉ lệ học sinh đỗ đại học trong nước 68% - 72%. Giáo dục toàn diện được coi trọng, tăng cường ngoại ngữ và tin học để hình thành thể hệ học sinh tự tin, hội nhập. Stem triển khai tại 100% trường trung học cơ sở, trung học phổ thông; hằng năm, thực hiện hơn 1.200 đề tài của học sinh, giáo viên; nhiều đề tài đạt giải cấp thành phố, cấp quốc gia và được cử dự thi quốc tế.

4.3.2. Triển khai Chương trình GDPT 2018

Chương trình GDPT 2018 được triển khai đồng bộ tại tất cả cơ sở giáo dục phổ thông; học sinh được phát triển phẩm chất, năng lực; học sinh trung học phổ thông được định hướng nghề nghiệp ngay từ lớp 10. 45% trường trung học phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt, đáp ứng 100% nguyện vọng đăng ký môn học lựa chọn. Thành phố tổ chức bồi dưỡng đồng bộ cho cán bộ quản lý, giáo viên; đầu tư, cải tạo phòng học bộ môn, thí nghiệm, thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin; triển khai lớp học thông minh, lớp học số. Các trường chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, dạy học phân hóa, định hướng nghề nghiệp, tăng cường hoạt động trải nghiệm. Hải Phòng là 1/12 địa phương triển khai các môn mới ở cấp trung học phổ thông (Âm nhạc, Mỹ thuật) và dạy ngoại ngữ thứ hai; dù còn thiếu giáo viên một số môn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá thành phố triển khai hiệu quả, sáng tạo, đúng tiến độ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Về quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo và người học

Mạng lưới cơ sở giáo dục được quy hoạch, củng cố theo hướng phủ kín địa bàn, từng bước thích ứng với yêu cầu của đô thị cảng biển, công nghiệp - dịch vụ. Toàn thành phố hiện có 596 trường mầm non, 437 trường tiểu học, 426 trường trung học cơ sở, 129 trường trung học phổ thông, 17 cơ sở giáo dục thường xuyên, 49 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 08 trường đại học. Tỷ lệ trường ngoài công lập đạt 21,98% các cơ sở. Tỷ lệ trên đã phản ánh bước phát triển về xã hội hóa, đa dạng loại hình giáo dục.

1.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành tăng về quy mô, từng bước đáp ứng việc mở rộng mạng lưới trường lớp và triển khai các chương trình mới. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn tăng lên, tại một số cấp học như trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đạt trên 60-70%.

1.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xã hội hóa giáo dục có chuyển biến tích cực

Cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Quỹ đất dành cho giáo dục mầm non, phổ thông và các cấp học khác từng bước được mở rộng, tỷ lệ phòng học kiên cố ở các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đều đạt trên 94-96%. Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt mức khá, cho thấy ưu tiên đầu tư của thành phố đối với giáo dục.

Về thiết bị dạy học, toàn hệ thống đáp ứng khoảng 65% nhu cầu; nhiều trường được đầu tư phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, thiết bị dạy học số phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.

Công tác xã hội hóa giáo dục có chuyển biến: Giai đoạn 2020 - 2025, thành phố đã thu hút 178 dự án xã hội hóa với tổng vốn đăng ký trên 4.450 tỉ đồng; cấp phép 43 dự án trường mầm non tư thục, 02 trường tiểu học tư thục, 01 trường trung học cơ sở tư thục, 12 trường trung học phổ thông tư thục, góp phần chia sẻ áp lực ngân sách, đa dạng loại hình, dịch vụ giáo dục và hỗ trợ học sinh.

1.4. Về nguồn lực tài chính cho giáo dục và đào tạo

Giai đoạn 2020 - 2025, tổng chi cho giáo dục và đào tạo ở khu vực phía Đông Hải Phòng đạt 33.786,253 tỉ đồng, khu vực phía Tây Hải Phòng đạt 24.004,986 tỉ đồng; vốn đầu tư công cho giáo dục và đào tạo từ ngân sách địa phương hai vùng đạt trên 11.900 tỉ đồng, phản ánh sự ưu tiên của thành phố cho hạ tầng giáo dục.

1.5. Chất lượng giáo dục và triển khai chương trình GDPT 2018 cơ bản đúng lộ trình, từng bước đi vào nề nếp

Chất lượng giáo dục toàn diện từ mầm non đến đại học tiếp tục được củng cố; công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng số cho học sinh, được quan tâm thường xuyên. Bậc mầm non, tỉ lệ trẻ đạt yêu cầu phát triển theo 5 lĩnh vực cơ bản được duy trì ở mức cao. Giáo dục trung học của thành phố duy trì vị trí nhóm dẫn đầu cả nước: Giai đoạn 2021 - 2025, điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông luôn thuộc top 10, năm 2024 xếp thứ 6, năm 2025 xếp thứ 4 toàn quốc; tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm đạt trên 99,5% (cao hơn mức bình quân cả nước khoảng 0,3 điểm %), tỉ lệ học sinh đỗ đại học trong nước đạt khoảng 68-72%.

Giáo dục mũi nhọn tiếp tục là điểm sáng: Năm học 2023 - 2024, đội tuyển học sinh giỏi quốc gia đạt 98 giải; năm 2025, số giải học sinh giỏi quốc gia đạt 198 giải, xếp thứ 3 toàn quốc; học sinh Hải Phòng đạt nhiều huy chương vàng, bạc, đồng tại các kỳ thi khu vực và quốc tế ở các môn Toán, Vật lý, Tin học, Sinh học. Ở bậc tiểu học, tỉ lệ học sinh hoàn thành các môn học đạt trên 98,5%; tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành chỉ khoảng 0,5% ở bậc giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp, tỉ lệ tốt nghiệp và có việc làm sau đào tạo duy trì ở mức cao, một số nghề đạt 100% có việc làm, qua đó khẳng định thế mạnh và quy mô ảnh hưởng của giáo dục Hải Phòng trong khu vực.

Chương trình GDPT 2018 được triển khai đồng bộ ở tất cả các cơ sở giáo dục phổ thông; việc lựa chọn, cung ứng sách giáo khoa, biên soạn và tổ chức dạy học tài liệu giáo dục địa phương được thực hiện kịp thời, đúng quy định, không để gián đoạn việc học của học sinh tiểu học, việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tiến sát yêu cầu của chương trình. Bậc trung học, các nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, dạy học phân hóa, định hướng nghề nghiệp, tăng cường hoạt động trải nghiệm. Khoảng 45% trường trung học phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt, đáp ứng cơ bản 100% nguyện vọng lựa chọn môn học của học sinh. Hải Phòng nằm trong 12 địa phương triển khai sớm các môn mới (âm nhạc, mỹ thuật ở trung học phổ thông) và dạy ngoại ngữ thứ hai (Hàn, Nhật, Trung, Pháp, Đức); các hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật được triển khai rộng khắp, hằng năm có trên 1.200 đề tài của học sinh, giáo viên tham gia các kỳ thi từ cấp thành phố đến quốc gia, quốc tế. Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá thành phố Hải Phòng là một trong những địa phương triển khai chương trình GDPT 2018 hiệu quả, sáng tạo.

1.6. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ trong giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục có chuyển biến theo hướng công khai, minh bạch, gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục được đẩy mạnh. Ngành đã hoàn thành số hoá và cung cấp trực tuyến ở mức toàn trình đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Giai đoạn 2020 - 2025, 100% văn bản trao đổi (trừ văn bản mật) được số hóa; hơn 40.000 cán bộ, giáo viên được cấp chữ ký số; 100% hồ sơ chuyên môn, học bạ được ký số từ năm học 2023 - 2024; tuyển sinh đầu cấp được tổ

chức hoàn toàn trực tuyến trên địa bàn thành phố từ năm học 2022 - 2023, với khoảng 88% phụ huynh/ học sinh tự đăng ký.

Cơ sở dữ liệu ngành được củng cố: Thông tin 100% học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên được cập nhật, xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia (đạt 99,72% với học sinh, 99,65% với nhân sự). Cổng thông tin điện tử ngành gồm 1 cổng chính và hơn 800 cổng thành phần (sau sáp nhập phục vụ trên 1.500 đơn vị), được gán nhãn tín nhiệm mạng; trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (soc) được triển khai. 100% đơn vị triển khai thanh toán học phí, lệ phí không dùng tiền mặt. Ngành đã bồi dưỡng chuyển đổi số cho 2.821 cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán (98,84%); đưa vào sử dụng gần 100 phòng học thông minh, triển khai hàng trăm hoạt động Stem, hackathon, robot... tạo nền tảng quan trọng để đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2026-2030.

2. Hạn chế, tồn tại

2.1. Về quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo và người học

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố tuy đã được quan tâm nhưng còn thiếu tính đồng bộ; chưa theo kịp tốc độ phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và điều chỉnh địa giới hành chính sau sáp nhập. Nhiều khu vực dân số tăng nhanh nhưng chưa kịp đầu tư trường, lớp công lập; vẫn còn tình trạng quá tải cục bộ ở một số phường, xã.

2.2. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Quy mô đội ngũ chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng thời Chương trình GDPT 2018. Toàn ngành còn thiếu cục bộ khoảng 3.245 cán bộ, giáo viên, nhân viên so với biên chế được giao và khoảng 5.775 người so với định mức của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tình trạng thiếu giáo viên mầm non và một số môn tích hợp, môn học mới (Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ...) vẫn diễn ra ở một số cấp học, địa bàn; tỉ lệ giáo viên mầm non ngoài công lập chưa đạt chuẩn theo luật giáo dục còn cao. Đội ngũ giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc chưa đồng đều giữa các cấp học, loại hình; ảnh hưởng đến việc mở rộng sử dụng tiếng Anh trong dạy học và hoạt động nhà trường.

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất toàn hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục chất lượng cao và triển khai chương trình, sách giáo khoa mới. Hệ thống giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông còn thiếu khoảng 71,3 ha đất so với nhu cầu, 7.580 phòng các loại; tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 mới khoảng 23,03%, chưa tương xứng với định hướng phát triển các mô hình trường chất lượng cao, trường học XHCN.

Hệ thống phòng học ngoại ngữ và thiết bị hỗ trợ nghe - nói chưa đồng bộ giữa các địa bàn; chênh lệch về phòng học, học liệu số và thiết bị tương tác làm giảm hiệu quả hình thành môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong nhà trường.

2.4. Về chất lượng giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục đại trà tuy giữ vững nhóm dẫn đầu cả nước ở nhiều chỉ số nhưng còn khoảng cách giữa khu vực nội thành với ngoại thành, nông thôn, hải đảo; giữa các cơ sở giáo dục công lập với một bộ phận cơ sở ngoài công lập. Giáo dục toàn diện về thể chất, kỹ năng sống, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Hải Phòng xã hội chủ nghĩa, năng lực số, phẩm chất công dân số, năng lực khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo ở một số nơi chưa được chú trọng đúng mức; một số cơ sở còn thiếu sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, không gian trải nghiệm; công tác tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh yếu thế, học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Việc phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh ở một số địa bàn còn lỏng lẻo, chưa phát huy đầy đủ vai trò của cộng đồng, đoàn thể.

Chất lượng dạy học ngoại ngữ và mức độ sử dụng tiếng Anh trong học tập chưa đồng đều giữa nội thành với ngoại thành, nông thôn, hải đảo và giữa các cơ sở có điều kiện với các cơ sở còn hạn chế về đội ngũ, điều kiện dạy học; việc chuyển từ “học tiếng Anh” sang “sử dụng tiếng Anh” mới tập trung ở nhóm trường có điều kiện, chưa tạo được mặt bằng chung trong toàn hệ thống.

Phần thứ ba
MỤC TIÊU, MÔ HÌNH, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

I. MỤC TIÊU (SẢN PHẨM)

1. Xây dựng mô hình trường học XHCN nhằm tạo nền tảng cho một hệ thống giáo dục tiên tiến, công bằng, nhân văn và hội nhập. Mô hình hướng tới phát triển con người Hải Phòng toàn diện theo các giá trị XHCN, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thành phố. Qua đó, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo một cách đồng bộ (từ cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình đến cơ chế quản trị), đảm bảo mọi học sinh đều được thụ hưởng điều kiện học tập tốt nhất, được phát triển toàn diện trong không gian học tập tích cực, tôn trọng sự khác biệt và gắn kết cộng đồng, không có học sinh nào vì hoàn cảnh mà bỏ học.

2. Hoàn thiện mô hình mẫu tại 09 trường học: Áp dụng đồng bộ các cơ chế, chính sách của mô hình (cơ sở vật chất, nhân sự, quản trị, chuyển đổi số, chính sách an sinh giáo dục...) tại các trường, tạo các điển hình tiên tiến về trường học kiểu mẫu. Đến 2030, các trường này đạt chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ và chất lượng giáo dục theo tiêu chí đề ra.

3. Xây dựng nền tảng cho giai đoạn mở rộng: Trên cơ sở kết quả triển khai mô hình mẫu đối với 09 trường giai đoạn 2026-2030, xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất nhân rộng mô hình trường học XHCN ra toàn thành phố giai đoạn 2030-2035 và định hướng đến 2045.

II. BỘ TIÊU CHÍ MÔ HÌNH

Bao gồm 5 tiêu chí sau:

1. Cơ sở vật chất bảo đảm mức tiêu chuẩn tối thiểu theo từng cấp học, nâng cấp hiện đại, hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế

2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

3. Học sinh, sinh viên được phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, sống tích cực, trách nhiệm, sáng tạo; biết tự học, hợp tác, thích ứng hội nhập và hạnh phúc, sẵn sàng đóng góp cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước.

4. Dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, tư duy sáng tạo và các phẩm chất cá nhân.

5. Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, công bằng, tôn trọng sự khác biệt; phát huy năng lực cá nhân, tinh thần hợp tác, sáng tạo và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của người học trong bối cảnh hội nhập.

III. MÔ HÌNH, TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Đối với cấp Mầm non

1.1. Tiêu chí 1. Cơ sở vật chất bảo đảm mức độ 2; nâng cấp hiện đại, hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế

a) Đạt tiêu chuẩn mức độ 2 về cơ sở vật chất theo quy định.

b) Nhà trường có màn hình Led; có ít nhất 2 phòng học thông minh được trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại; có phòng tư vấn tâm lý; có bể bơi phù hợp với độ tuổi trẻ mầm non.

c) 100% nhóm lớp được trang bị máy điều hòa, nhà vệ sinh có bình nóng lạnh. 100% nhóm, lớp có đủ danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; có bảng tương tác thông minh. Các góc chơi có đồ dùng, đồ chơi thông minh giúp trẻ tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến như Montessori, Stem....

1.2. Tiêu chí 2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp

a) 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức nghề nghiệp, lối sống gương mẫu; 100% cán bộ quản lý được đánh giá đạt mức tốt theo chuẩn hiệu trưởng. 100% giáo viên được đánh giá đạt theo chuẩn nghề nghiệp, trong đó có tối thiểu 50% được đánh giá mức tốt.

b) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt định mức tối đa theo quy định.

c) 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó, 100% cán bộ quản lý và ít nhất 80% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn. 100% nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm. Nhân viên thực hiện hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập, nhân viên tư vấn tâm lý được đào tạo và bồi dưỡng theo quy định.

d) 80% cán bộ quản lý, giáo viên đạt mức tốt về khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

đ) 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, được phân công làm việc đúng trình độ, khả năng.

e) Hàng năm, đều có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và các hình thức khen từ cấp xã trở lên. Có ít nhất 01 cán bộ quản lý hoặc 01 giáo viên đạt danh hiệu thi đua, hình thức khen cấp thành phố trở lên. Có ít nhất 01 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

1.3. Tiêu chí 3. Trẻ được chăm sóc về sức khỏe; phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, thích được đi học, sống tích cực, trách nhiệm, sáng tạo, biết tự học, hợp tác, thích ứng hội nhập và hạnh phúc.

a) Đảm bảo quy mô và số lượng trẻ trên nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; không bố trí nhóm, lớp ghép.

b) 100% trẻ đạt được các mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi: 4 phẩm chất cốt lõi (yêu thương, tôn trọng, trung thực, trách nhiệm) và 5 năng lực nền tảng (giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực, thích ứng) để chuẩn bị sẵn sàng vào lớp 1.

c) 100% trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh, tin học. 100% trẻ được giáo dục âm nhạc và làm quen với một số loại nhạc cụ. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi được làm quen và biết cách chơi một môn thể thao phù hợp với độ tuổi; được làm quen và có một số kỹ năng bơi phù hợp, an toàn.

d) 100% trẻ được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 100% so với chỉ tiêu giao. 100% trẻ mẫu giáo hoàn thành chương trình GDMN theo quy định.

đ) 100% trẻ được theo dõi, đánh giá tình trạng sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng và được kiểm tra sức khỏe chuyên khoa hàng năm. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi đạt dưới 1,5%, tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì đạt dưới 2%.

1.4. Tiêu chí 4. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của trẻ, phát huy năng lực tự học, tư duy sáng tạo và các phẩm chất cá nhân

a) 100% các hoạt động được tổ chức theo hình thức dạy học lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường tính chủ động, tích cực của trẻ; chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi, phù hợp với nhu cầu, hứng thú và sự phát triển của từng cá nhân trẻ. Cá thể hóa hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với những trẻ thiếu hụt hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

b) Hàng năm tổ chức ít nhất 02 chuyên đề chuyên môn cấp trường; các tổ chuyên môn tổ chức ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

c) Hàng năm tổ chức ít nhất 03 hoạt động cho trẻ trải nghiệm gắn với giáo dục âm nhạc, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, tình yêu quê hương con người Hải Phòng...

d) Sử dụng hiệu quả đồ dùng, trang thiết bị hiện đại. 100% nhóm, lớp ứng dụng hiệu quả phương pháp giáo dục tiên tiến, công nghệ số trong tổ chức các hoạt động cho trẻ.

1.5. Tiêu chí 5. Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, công bằng, tôn trọng sự khác biệt, phát huy năng lực cá nhân, tinh thần hợp tác, sáng tạo và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của trẻ trong bối cảnh hội nhập

a) Môi trường vật chất trong và ngoài lớp an toàn, thân thiện với trẻ; tạo điều kiện cho tất cả trẻ có thể “chơi mà học, học bằng chơi” phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Sắp xếp, khai thác, sử dụng các không gian để cho trẻ hoạt động phù hợp, linh hoạt, đa dạng. Các góc hoạt động trong và ngoài lớp học mang tính mở, hiện đại tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi để thực hành, trải nghiệm.

c) 100% trẻ vui vẻ, hạnh phúc khi đến trường, được đảm bảo quyền trẻ em theo quy định, được an toàn về thể chất và tinh thần, được bồi dưỡng để phát triển năng khiếu. 100% trẻ thuộc gia đình chính sách, trẻ khuyết tật học hòa nhập được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách và được quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để học tập, vui chơi và phát triển.

d) 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt quy chế làm việc, quy tắc ứng xử trong trường học. Không có hiện tượng đơn thư, khiếu kiện; không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

2. Đối với cấp học Tiểu học

Trường tiểu học xây dựng mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa” phải được đánh giá đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải đảm bảo các tiêu chí sau:

2.1. Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất bảo đảm mức tiêu chuẩn tối thiểu theo từng cấp học, đồng thời được nâng cấp hiện đại, hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế

a) 100% phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu đáp ứng được ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, trong đó có 60% phòng học thông minh.

b) Có ít nhất 1 phòng học Stem/Steam.

c) Thư viện nhà trường đạt mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và phát triển nguồn học liệu điện tử ít nhất 35% vốn tài nguyên hiện có trong thư viện. Thư viện được trang bị hệ thống máy tính kết nối Internet, máy in và phần mềm quản lý thư viện hiện đại; có sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh, hướng tới xây dựng thư viện số hiện đại trong những năm tiếp theo.

d) Có đầy đủ phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học, phòng tư vấn học đường, phòng y tế theo quy định; khu vực cho các hoạt động giáo dục thẩm mỹ; khu luyện tập thể dục - thể thao; nhà thi đấu đa năng hoặc bể bơi được trang bị đạt tiêu chuẩn.

đ) Hệ thống máy tính có cấu hình phù hợp với nhu cầu học tập và các phần mềm học tập hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học tập, máy tính được nối mạng internet

tốc độ cao và có mạng wifi cung cấp Internet trong nhà trường đáp ứng được hoạt động dạy và học

e) Có hệ thống camera hỗ trợ công tác quản trị nhà trường và kiểm tra đánh giá.

g) Sân chơi, sân tập: Đảm bảo bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, trang bị các thiết bị vận động an toàn cho học sinh.

2.2. Tiêu chí 2: *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục, hội nhập và phát triển.*

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng, đúng cơ cấu, trong đó:

a) Về tư tưởng, chính trị: 100% cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn và lý luận chính trị theo quy định; có bản lĩnh chính trị, tầm nhìn chiến lược, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường. Xây dựng đội ngũ nhà giáo không chỉ giỏi chuyên môn mà còn là hình mẫu về đạo đức XHCN. 100% đội ngũ kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; mẫu mực về đạo đức công vụ và đạo đức nhà giáo.

b) Về năng lực chuyên môn: 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, trong đó ít nhất có 30% đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học mức Khá trở lên, trong đó 70% đạt mức Tốt.

c) Về năng lực số và ngoại ngữ: ít nhất 80% nhà giáo ứng dụng thành thạo AI, học liệu số trong giảng dạy; mỗi trường có ít nhất 01 giáo viên đủ năng lực dạy một số môn học khoa học bằng tiếng Anh.

d) Về quản trị nhà trường: 100% hiệu trưởng đạt chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học mức Tốt, có tư tưởng đổi mới và năng lực quản lý tốt.

đ) Phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, luôn lắng nghe, thấu hiểu, tôn trọng sự khác biệt và huy động, sử dụng các nguồn lực để phát triển nhà trường.

2.3. Tiêu chí 3: *Học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, sống tích cực, trách nhiệm, sáng tạo; biết tự học, hợp tác, thích ứng hội nhập và hạnh phúc, sẵn sàng đóng góp cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước*

a) Hình thành 5 phẩm chất chủ yếu theo định hướng công dân XHCN: Mục tiêu là bồi dưỡng thế hệ học sinh "vừa hồng, vừa chuyên", có lý tưởng và trách nhiệm xã hội.

- Yêu nước, nhân ái: 100% học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục truyền thống, tham quan "địa chỉ đỏ" tại Hải Phòng ít nhất 01 lần/học kỳ. Biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè và cộng đồng thông qua các phong trào thi đua.

- Chăm chỉ, trung thực: 100% học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập; bộc lộ sự tự giác trong lao động tại trường và gia đình.

- Trách nhiệm: 100% học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện lối sống xanh, sạch; không xả rác và tiết kiệm điện nước.

- Chỉ số đánh giá: Tỷ lệ học sinh đạt mức "Tốt" về rèn luyện phẩm chất đạt từ 95% trở lên.

b) Năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế: Hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, học sinh phải đạt được mục tiêu theo Đề án đưa tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai của thành phố nhằm đào tạo và phát triển công dân Hải Phòng trở thành công dân toàn cầu với những yêu cầu cụ thể sau:

- 100% học sinh được học tiếng Anh bắt buộc ngay từ lớp 1.

- Phần đầu ít nhất 95% học sinh lớp 5 đạt năng lực ngoại ngữ bậc 1 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) hoặc tương đương chứng chỉ quốc tế.

- 100% học sinh tham gia ít nhất 03 hoạt động ngoại khóa bằng tiếng Anh/năm học (Ngày hội ngoại ngữ, rung chuông vàng, kể chuyện bằng tiếng Anh...).

c) Năng lực số và tư duy sáng tạo: Trang bị công cụ để học sinh làm chủ công nghệ và giải quyết vấn đề. 100% học sinh từ lớp 1 được tiếp cận tin học, bước đầu được tiếp cận các phần mềm hỗ trợ học tập cá nhân hóa; 100% học sinh từ lớp 3 biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm hỗ trợ học tập cá nhân hóa. Học sinh được hướng dẫn sử dụng AI làm công cụ tìm kiếm thông tin và học liệu số an toàn trên môi trường mạng.

100% học sinh được tham gia tối thiểu 02 dự án học tập STEM/STEAM/năm học, khuyến khích các sáng kiến giải quyết vấn đề thực tiễn tại địa phương.

d) Năng lực thể chất và thẩm mỹ hiện đại: Phát triển hài hòa giữa trí tuệ, thể chất và nghệ thuật:

- Thể thao: 100% học sinh biết chơi ít nhất 01 môn thể thao; ưu tiên phổ cập bơi lội đạt tỷ lệ trên 80% học sinh biết bơi khi hoàn thành cấp tiểu học.

- Âm nhạc, nghệ thuật: 100% học sinh được tham gia chương trình giáo dục di sản âm nhạc truyền thống Hải Phòng và vùng xứ Đông.

- Phần đầu có từ 50% - 70% học sinh biết sử dụng ít nhất 01 loại nhạc cụ hoặc có kỹ năng âm nhạc cơ bản.

- Hoạt động câu lạc bộ: Mỗi học sinh tham gia ít nhất 01 câu lạc bộ năng khiếu (võ thuật, khiêu vũ, vẽ, Robot...).

đ) Kỹ năng sống và khát vọng cống hiến: Xây dựng con người có kỹ năng thích ứng và tinh thần phục vụ:

- Kỹ năng thiết yếu: 100% học sinh được trang bị, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, có tư duy phản biện và khả năng thích ứng môi trường số quản lý thời gian, có kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích/xâm hại.

- Dự án cộng đồng: Mỗi học sinh tham gia thực hiện ít nhất 01 dự án phục vụ cộng đồng/năm (ví dụ: "Ngày thứ 7 tình nguyện", "Nuôi lợn siêu trọng giúp bạn nghèo", Tủ sách cũ - Tiếp sức đến trường, Áo ấm mùa đông, Tái chế yêu thương,...).

- Hồ sơ rèn luyện: Xây dựng hồ sơ rèn luyện điện tử cho 100% học sinh để theo dõi sự phát triển toàn diện qua từng cấp lớp học.

2.4. Tiêu chí 4: *Dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học, đồng thời phát huy năng lực tự học, tư duy sáng tạo và các phẩm chất cá nhân*

a) 100% các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

- Xây dựng kế hoạch giáo dục: Kế hoạch dạy học phải đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, tính cập nhật và được phổ biến công khai để cộng đồng giám sát. Khuyến khích tham khảo các chương trình giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới phù hợp với bản sắc Việt Nam.

- Tổ chức dạy học: Triển khai dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc. Đặc biệt, chú trọng giáo dục ngôn ngữ (tiếng Việt và ngoại ngữ), toán học, khoa học xã hội và nghệ thuật để hình thành thế giới quan khoa học.

b) Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, kích thích sự sáng tạo của học sinh.

- Sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển tư duy, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Tổ chức các hoạt động học tập vừa mang tính cá nhân hoá nhằm phát triển tính tự chủ, năng lực cá nhân, vừa mang tính tập thể nhằm phát triển kỹ năng xã hội, tư duy phản biện và hợp tác của học sinh bằng nhiều hình thức linh hoạt (trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng); tăng cường kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

- Hằng năm, thực hiện được ít nhất 02 chuyên đề đổi mới hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra và được chia sẻ trong hoạt động chuyên môn cụm trường; 100% tiết học ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp giáo dục hiện đại. 90% giáo viên và học sinh sử dụng các App để nâng cao năng lực tự học cho học sinh dưới sự quản lý của giáo viên

- Tổ chức một số hoạt động dạy học/hoạt động giáo dục theo hướng lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là phụ đạo học sinh khó khăn và bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Đảm bảo 100% học sinh diện này hoàn thành mục tiêu cá nhân.

- Đánh giá vì sự tiến bộ: Đánh giá quá trình và sản phẩm học tập. Kết hợp tự đánh giá của học sinh, đánh giá của giáo viên và cha mẹ học sinh, trong đó quan tâm tạo môi trường phát huy khả năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh.

c) Phát huy năng lực tự học và tư duy sáng tạo

- Xây dựng thói quen tự học: Hướng dẫn học sinh cách lập kế hoạch học tập, kỹ năng tra cứu tài nguyên thông tin số tại thư viện. Tổ chức các tiết đọc, tiết học tại thư viện để hình thành trong học sinh văn hóa đọc và khả năng chủ động tra cứu, tìm hiểu thông tin, kiến thức từ các nguồn khoa học.

- Tổ chức các câu lạc bộ Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Thể dục thể thao, STEM/STEAM, ngoại ngữ ... để học sinh có nhiều cơ hội phát huy năng lực bản thân. Có ít nhất 3 câu lạc bộ thể dục thể thao, 01 câu lạc bộ nghệ thuật được tổ chức cho học sinh tham gia sinh hoạt hàng tuần.

d) Tổ chức các hoạt động giáo dục khác

- Hoạt động trải nghiệm: Tổ chức thường xuyên các hoạt động hướng vào bản thân, xã hội và tự nhiên. Lòng ghép nội dung "Đưa di sản văn hóa vào học đường", nội dung giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước. Ít nhất 90% học sinh được tham gia ít nhất 01 dự án phục vụ cộng đồng/năm học.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh.

đ) 100% học sinh được tham gia các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khóa phù hợp. Tổ chức, duy trì hoạt động thường xuyên và có hiệu quả các phòng tư vấn học đường, phòng hỗ trợ học sinh hòa nhập (nếu có).

2.5. Tiêu chí 5: Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, công bằng, tôn trọng sự khác biệt; phát huy năng lực cá nhân, tinh thần hợp tác, sáng tạo và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của người học trong bối cảnh hội nhập.

a) Xây dựng trường học hạnh phúc, công bằng, thân thiện lấy sự tiến bộ và niềm vui của học sinh, sự hài lòng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh làm thước đo của trường học xã hội chủ nghĩa. Mỗi năm, tổ chức ít nhất 1 lần khảo sát về chỉ số hạnh phúc học đường của học sinh, giáo viên, phụ huynh để điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp quản trị.

b) Xây dựng trường xanh - sạch - đẹp và an toàn; đảm bảo 100% trường học không có ma túy và bạo lực học đường.

- Học sinh được tôn trọng, được lắng nghe và được bày tỏ ý kiến trong mọi hoạt động trong nhà trường; được đối xử công bằng và tôn trọng sự khác biệt;

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa nhà trường - gia đình - xã hội tạo cơ hội để học sinh được tham gia các hoạt động cộng đồng.

c) Xây dựng trường học trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Mỗi năm tổ chức ít nhất 1 lần giao lưu văn hóa, hợp tác quốc tế; phát huy sự tham gia của gia đình và xã hội trong việc xây dựng môi trường học tập, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện và thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế.

3. Đối với cấp Trung học cơ sở

Trường trung học cơ sở xây dựng mô hình trường học “Xã hội chủ nghĩa” phải được đánh giá đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải đảm bảo các tiêu chí sau:

3.1. Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất bảo đảm mức tiêu chuẩn tối thiểu theo từng cấp học, nâng cấp hiện đại, hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế

a) 100% phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu đáp ứng được ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, trong đó có 50% phòng học thông minh.

b) Có 1 phòng học Stem/Steam.

c) Thư viện nhà trường đạt mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có thư viện số dùng chung và thư viện sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh.

d) Có đầy đủ phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm, phòng tư vấn học đường, phòng y tế theo quy định; khu vực cho các hoạt động giáo dục thẩm mỹ; khu luyện tập thể dục - thể thao; nhà thi đấu đa năng hoặc bể bơi được trang bị đạt tiêu chuẩn.

đ) Hệ thống máy tính có cấu hình phù hợp với nhu cầu học tập và các phần mềm học tập hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học tập, máy tính được nối mạng internet tốc độ cao và có mạng wifi cung cấp Internet trong nhà trường đáp ứng được hoạt động dạy và học

e) Có hệ thống camera hỗ trợ công tác quản trị nhà trường và kiểm tra đánh giá.

3.2. Tiêu chí 2: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục, hội nhập và phát triển

a) 100% cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn và lý luận chính trị theo quy định; có bản lĩnh chính trị, tầm nhìn chiến lược, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường; tâm huyết, năng động, sáng tạo, luôn có tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo và quản trị nhà trường đáp ứng được yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực, tiềm năng của học sinh; tạo động lực làm việc, phát triển năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; phát triển

tốt mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, luôn lắng nghe, thấu hiểu, tôn trọng sự khác biệt và huy động, sử dụng các nguồn lực để phát triển nhà trường.

b) Giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng, đúng cơ cấu; 100% đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định, trong đó, ít nhất 30% trình độ trên chuẩn, có từ 70% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

c) 80% giáo viên có khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp; 100% giáo viên dạy ngoại ngữ có năng lực ngôn ngữ giảng dạy cao hơn trình độ chung của cấp dạy tối thiểu 01 bậc. Mỗi cơ sở giáo dục sẽ có từ 01 đến 02 giáo viên mỗi bộ môn đủ năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh để hỗ trợ hội nhập quốc tế.

d) 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn kỹ năng CNTT và ứng dụng chuyên đổi số, năng lực AI trong dạy học; tối thiểu 50% giáo viên có năng lực thiết kế bài giảng e-Learning; tối thiểu 30% số tiết học có ứng dụng CNTT và AI.

3.3. Tiêu chí 3: Học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, sống tích cực, trách nhiệm, sáng tạo; biết tự học, hợp tác, thích ứng hội nhập và hạnh phúc, sẵn sàng đóng góp cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước

- Học sinh được trang bị các giá trị sống, kỹ năng sống, được tạo cơ hội để tất cả cùng thay đổi và tiến bộ, không ai bị bỏ lại phía sau; được khuyến khích sáng tạo, phản biện và tham gia học tập ở nhiều môi trường học tập khác nhau, được trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản, được chủ động nghiên cứu khám phá các lĩnh vực mà các em quan tâm.

- Học sinh được bảo đảm an toàn, yêu thương, tôn trọng, lắng nghe, thấu hiểu. Xây dựng được các mối quan hệ tích cực dựa trên nền tảng tin tưởng, bình đẳng, bao dung; học sinh khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần;

- Học sinh được phát triển các kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, giao tiếp trong môi trường giáo dục tích cực.

- Hướng tới mục tiêu giáo dục:

a) Kết quả giáo dục: 100% học sinh xếp loại từ khá trở lên; trong đó: Số học sinh xếp loại tốt: Đạt từ 70% trở lên.

b) Có ít nhất 90% học sinh tham gia các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống (các hoạt động dạy học tích cực, dạy học theo dự án, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức liên môn giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống...).

c) 100% học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng. Trong đó mỗi học sinh thực hiện tối thiểu 1 dự án phục vụ cộng đồng/năm

d) 100% học sinh thường xuyên tham gia hoạt động thể dục thể thao, các câu lạc bộ ngoại khóa.

đ) 100% học sinh biết chơi 1 môn thể thao và 1 loại nhạc cụ.

e) Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở phải đạt yêu cầu: tối thiểu 90% có khả năng sử dụng tiếng Anh (cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) từ trình độ A2 trở lên; trong đó, ít nhất 30% đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo trình độ tương ứng; 100% có kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin, đạt chuẩn về khung năng lực số và ứng dụng AI; trong đó, ít nhất 50% đạt chuẩn tin học quốc tế.

3.4. Tiêu chí số 4: *Dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học, đồng thời phát huy năng lực tự học, tư duy sáng tạo và các phẩm chất cá nhân.*

a) Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; 50% các lớp dạy và học các môn Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học, Công nghệ bằng một phần tiếng Anh; tổ chức dạy Tin học theo các chuẩn quốc tế; có các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá, ứng dụng e-Learning, LMS. Hằng năm, thực hiện được ít nhất 02 chuyên đề đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá và được chia sẻ trong hoạt động chuyên môn cụm trường; 100% tiết học ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp giáo dục hiện đại. 100% giáo viên và học sinh sử dụng App để nâng cao năng lực tự học cho học sinh dưới sự quản lý của giáo viên.

b) 100% học sinh được tham gia các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khóa phù hợp. Tổ chức, duy trì hoạt động thường xuyên và có hiệu quả các phòng tư vấn học đường, phòng hỗ trợ học sinh hòa nhập (nếu có).

c) 100% nhà trường dạy học 2 ngoại ngữ.

d) Hoạt động phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu được thực hiện hiệu quả; tổ chức phụ đạo cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Có các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

đ) Tổ chức các câu lạc bộ môn học, Stem và có ít nhất 3 câu lạc bộ thể dục thể thao, 01 câu lạc bộ nghệ thuật được tổ chức cho học sinh tham gia sinh hoạt hàng tuần.

e) Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên hàng năm được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học tập, giao lưu kinh nghiệm trong và ngoài nước.

3.5. Tiêu chí số 5: *Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, công bằng, tôn trọng sự khác biệt; phát huy năng lực cá nhân, tinh thần hợp tác, sáng tạo và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của người học trong bối cảnh hội nhập*

a) Xây dựng trường học hạnh phúc, công bằng, thân thiện lấy sự tiến bộ và niềm vui của học sinh, sự hài lòng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh làm thước đo của trường học xã hội chủ nghĩa. Mỗi năm, tổ chức 2 lần khảo sát về chỉ số hạnh phúc học đường của học sinh, giáo viên, phụ huynh để điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp quản trị.

b) Hàng năm tham gia thi và đạt giải trường học sinh thái ASEAN.

c) Mỗi năm tổ chức ít nhất 1 lần giao lưu văn hóa, hợp tác quốc tế; phát huy sự tham gia của gia đình và xã hội trong việc xây dựng môi trường học tập, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện và thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế.

d) Nhà trường có ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; phát triển giáo dục số, giáo dục thông minh, giáo dục cá nhân hóa, giáo dục sáng tạo, giáo dục thích ứng với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (Sử dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu học tập của học sinh, đưa ra gợi ý cá nhân hóa, cải thiện chất lượng giảng dạy và hỗ trợ quá trình học tập cho học sinh; ứng dụng công nghệ vào giáo dục, giúp học sinh trải nghiệm môi trường học tập trên nền tảng số, tương tác và gần gũi hơn với thực tế).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học

Nhiệm vụ trọng tâm đầu tiên là tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất (đặc biệt tại 09 trường thí điểm) đảm bảo đạt tiêu chuẩn mức độ 2 trở lên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời hướng tới tiệm cận các chuẩn quốc tế. Các nhà trường cần được đầu tư xây dựng không gian trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; bố trí đầy đủ các khu vực trải nghiệm, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, bể bơi phù hợp với từng cấp học. Việc trang bị đồng bộ, hiện đại các thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, phòng học thông minh, phòng giáo dục STEM/STEAM và thư viện điện tử là yêu cầu bắt buộc nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục và chuyển đổi số trong nhà trường.

1.2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng

Ngành giáo dục cần rà soát, sắp xếp và bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo định mức quy định, đặc biệt ưu tiên bổ sung giáo viên dạy ngoại ngữ, tin học, nghệ thuật và giáo viên có khả năng giảng dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy và quản lý phải được thực hiện thường xuyên cho 100% cán bộ, giáo viên. Mục tiêu cốt lõi là xây dựng đội ngũ nhà giáo không chỉ giỏi chuyên môn mà còn là hình mẫu về đạo đức, tư tưởng chính trị, tâm huyết với nghề, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1.3. Đổi mới toàn diện nội dung, phương pháp giáo dục và kiểm tra, đánh giá

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trong đó chú trọng giáo dục toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, kỹ năng sống và hình thành hệ giá trị con người Hải Phòng xã hội chủ nghĩa. Việc dạy và học ngoại ngữ cần được đẩy mạnh, từng bước

đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thông qua triển khai các chương trình giáo dục tiên tiến, tích hợp chuẩn quốc tế. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; lấy người học làm trung tâm; tổ chức dạy học theo dự án, dạy học trải nghiệm, dạy học tích hợp liên môn. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo vào công tác kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh theo hướng thực chất, toàn diện.

1.4. Phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh gắn với hệ giá trị con người xã hội chủ nghĩa

Các nhà trường tập trung bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm theo định hướng công dân xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu đào tạo thế hệ học sinh "vừa hồng, vừa chuyên", có lý tưởng và trách nhiệm xã hội. Đẩy mạnh giáo dục năng lực ngoại ngữ, năng lực số, tư duy sáng tạo và kỹ năng sống cho học sinh ở tất cả các cấp học. Tăng cường giáo dục thể chất, thẩm mỹ; phấn đấu 100% học sinh biết chơi ít nhất 01 môn thể thao và biết sử dụng ít nhất 01 loại nhạc cụ. Tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm, giáo dục truyền thống, giáo dục di sản văn hóa Hải Phòng và vùng xứ Đông, các dự án phục vụ cộng đồng nhằm bồi dưỡng khát vọng cống hiến và tinh thần trách nhiệm xã hội cho học sinh.

1.5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, công bằng và hội nhập

Nhiệm vụ quan trọng là xây dựng mô hình "Trường học hạnh phúc", đảm bảo môi trường giáo dục an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, kiên quyết không để xảy ra bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Môi trường giáo dục phải tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng và phát huy tối đa năng lực cá nhân của mỗi học sinh, đặc biệt quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác quản lý, giáo dục học sinh; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, cộng đồng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế, xây dựng trường học trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tạo cơ hội cho học sinh và giáo viên tiếp cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

2. Giải pháp

2.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Giải pháp hàng đầu là tổ chức quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thành phố về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đặc biệt là Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/01/2026 và Đề án số 04-ĐA/TU ngày 14/01/2026 của Thành ủy Hải Phòng về xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng. Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng đối với công tác giáo dục; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện mô hình "Trường học

xã hội chủ nghĩa". Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đa kênh, ưu tiên nền tảng số, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và toàn xã hội về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng mô hình trường học mới.

2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư

Các cơ quan chức năng cần rà soát, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển giáo dục, thu hút nhân tài và “đãi ngộ xứng đáng” cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW. Thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các trường thực hiện thí điểm mô hình; đảm bảo chi ngân sách địa phương cho giáo dục và đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách hằng năm. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", tạo cơ chế thông thoáng để huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng xã hội; nghiên cứu, triển khai hợp tác công - tư (PPP) đối với các hạng mục đủ điều kiện trong giáo dục.

2.3. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu mới

Tổ chức rà soát, phân loại, đánh giá đội ngũ theo tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo quy định trước năm 2030. Tăng cường đội ngũ giáo viên dạy các môn ngoại ngữ, tin học, nghệ thuật và giáo viên có năng lực dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; kịp thời cập nhật các yêu cầu mới của Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo và phương pháp giảng dạy hiện đại. Xây dựng tài liệu giáo dục tuyên truyền đạo đức, lối sống, văn hóa, kỹ năng sống cho học sinh THCS trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trên cơ sở các phẩm chất con người Xã hội chủ nghĩa. Triển khai cơ chế thỉnh giảng, mời chuyên gia trong và ngoài nước; thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao tham gia giảng dạy tại các trường mô hình.

2.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

Ngành giáo dục cần tập trung xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng dữ liệu giáo dục đồng bộ, kết nối liên thông với hệ sinh thái đô thị thông minh của thành phố; triển khai hệ thống quản trị nhà trường thông minh tại 100% trường mô hình. Ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá; phát triển kho học liệu số, bài giảng điện tử dùng chung; xây dựng mô hình "Thư viện thông minh" kết nối liên trường. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo

viên và học sinh; chuẩn hóa năng lực số, AI cho người học và nhà giáo theo Khung năng lực số quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5. Đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Triển khai đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường dạy học theo dự án, dạy học trải nghiệm, dạy học tích hợp liên môn; phát triển mô hình phòng thực hành STEM/STEAM dùng chung theo cụm trường. Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, từng bước tổ chức dạy một số môn học bằng tiếng Anh tại các trường đủ điều kiện; triển khai nền tảng học tập số phục vụ dạy và học tiếng Anh theo hướng cá nhân hóa. Hoàn thiện cơ sở vật chất thể dục thể thao; đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; phổ cập bơi an toàn; nâng cao chất lượng dinh dưỡng học đường. Tăng cường giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hóa; giáo dục truyền thống, pháp luật; phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh.

2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đối với mô hình "Trường học xã hội chủ nghĩa" phù hợp với từng cấp học, làm cơ sở đo lường hiệu quả triển khai. Các cơ quan quản lý cần thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các cơ sở giáo dục để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm quá trình triển khai thí điểm; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất phương án nhân rộng mô hình trường học Xã hội chủ nghĩa ra toàn thành phố trong giai đoạn 2030 - 2035.

V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1 (2026-2030): Giai đoạn thí điểm - Kiểm chứng mô hình - Chuẩn hóa nền móng

Thực hiện mô hình trường học XHCN tại 09 trường mô hình mẫu 03 cấp học; chuẩn hóa bộ công cụ, quy trình, nền tảng để phục vụ mở rộng.

1.1. Năm 2026 - Năm khởi động và triển khai nền tảng xây dựng Đề án.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện: Thành lập Ban Chỉ đạo cấp thành phố và cấp địa phương, tổ giúp việc chuyên trách theo từng hợp phần.

- Hoàn thành lựa chọn 09 trường mô hình mẫu theo tiêu chí đã đề ra.

- Ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai: Quy định vận hành mô hình Trường học XHCN.

1.2. Năm 2027 - Năm mở rộng chính sách và hoàn thiện hạ tầng cơ sở

- Khởi công đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất tại các trường mô hình mẫu; triển khai giai đoạn 1 mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học hiện đại cho các trường này.

- Triển khai đầy đủ mô hình quản trị nhà trường tiên tiến, số hóa công tác quản lý tại 09 trường mô hình mẫu; vận hành nền tảng quản lý số ngành giáo dục thành phố.

- So kết 02 năm đầu triển khai, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030 để điều chỉnh kế hoạch phù hợp.

1.3. Năm 2028 - Năm mở rộng toàn diện các chính sách an sinh giáo dục

- 09 trường mô hình mẫu hoàn thiện đồng bộ mô hình "Trường học XHCN" trên cả 5 phương diện: Cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình giáo dục, quản trị trường học và môi trường học đường.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị dạy học công nghệ cao (AI, phòng học thông minh) tại các trường mô hình mẫu.

- Tổ chức đánh giá chất lượng hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục; bước đầu triển khai thử nghiệm ngân hàng học liệu số dùng chung cấp thành phố.

- Đánh giá lại tác động xã hội và giáo dục của các chính sách đã triển khai.

1.4. Năm 2029 - Năm củng cố và nâng cao chất lượng

- Củng cố vận hành ổn định mô hình tại 09 trường, đảm bảo duy trì chất lượng bền vững và khả năng nhân rộng.

- Hoàn thiện ngân hàng học liệu số, mở rộng nền tảng học tập trực tuyến cho toàn bộ học sinh phổ thông thành phố.

1.5. Năm 2030 - Năm hoàn thiện mô hình, chuẩn bị nhân rộng; tổng kết và chuyển tiếp giai đoạn mới

- Đánh giá tổng thể hiệu quả thực hiện mô hình tại 09 trường trên tất cả các phương diện (cơ sở vật chất, quản trị chất lượng giáo dục, kết quả học sinh).

- Hoàn thiện 100% phòng học kiên cố toàn thành phố; bảo đảm tất cả các trường công lập đạt chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo tiêu chí "Trường học XHCN".

- Chuẩn bị hồ sơ tổng kết thí điểm, đề xuất kế hoạch nhân rộng mô hình Trường học XHCN cho giai đoạn 2030-2035.

- Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện mô hình, công bố rộng rãi các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm và kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

- Tổng hợp toàn bộ số liệu, kết quả triển khai mô hình giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng báo cáo đánh giá toàn diện, khách quan về các mục tiêu đạt được và hiệu quả thực hiện

- Đề xuất các cơ chế, chính sách duy trì, thể chế hóa các chính sách đã triển khai thành chính sách thường xuyên của thành phố.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch nhân rộng mô hình trường học XHCN trên toàn hệ thống giáo dục thành phố giai đoạn 2030-2035.

- Tổ chức tổng kết, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai mô hình.

2. Giai đoạn 2 (2030-2035): Giai đoạn mở rộng có kiểm soát - Phổ cập chính sách - Định hình mô hình vùng

Áp dụng từng phần mô hình trường học XHCN tới 10% trường công lập; mở rộng hội nhập khu vực tới các trường tại khu đô thị và chất lượng cao.

3. Giai đoạn 3 (2035-2045): Giai đoạn chuẩn hóa toàn hệ thống - Hội nhập quốc tế có bản sắc CNXH

100% trường công lập đạt >80% tiêu chí trường học XHCN; mô hình hội nhập quốc tế có bản sắc XHCN Việt Nam tại 15-20 trường chất lượng cao; hình thành hệ sinh thái học tập số, tích hợp AI, cá nhân hóa.

Phần thứ tư
THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG 09 TRƯỜNG THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH

1. Khái quát thực trạng 9 trường

- (1) Trường MN Tam Cường, xã Vĩnh Am.
- (2) Trường MN Sao Mai, phường Thủy Nguyên.
- (3) Trường MN Liên Hồng, phường Thạch Khê.
- (4) Trường Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am, xã Vĩnh Am.
- (5) Trường Tiểu học Núi Đèo, phường Thủy Nguyên.
- (6) Trường Tiểu học Tân Bình, phường Lê Thanh Nghị.
- (7) Trường THCS Tam Cường, xã Vĩnh Am.
- (8) Trường THCS Lê Ích Mộc, phường Thủy Nguyên.
- (9) Trường THCS Võ Thị Sáu, phường Lê Thanh Nghị.

(Theo Phụ lục III).

2. Đánh giá chung

Thực trạng chung: Qua rà soát cho thấy mức độ đáp ứng tiêu chí giữa các trường, các cấp học và các địa bàn chưa đồng đều. Một số trường có lợi thế về chuẩn quốc gia nhưng còn thiếu hạng mục chuyên sâu (phòng STEM, ngoại ngữ, thư viện số, không gian kỹ năng sống, bể bơi, phòng học thông minh, khả năng sử dụng AI của giáo viên, quản trị trường học ...); một số trường có cơ sở vật chất tốt nhưng vận hành chưa tối ưu do thiếu quy trình quản trị dựa trên dữ liệu và thiếu nguồn lực.

Do đó phải tiến hành đầu tư các hạng mục còn thiếu trong các nhà trường bao gồm: “Đầu tư cứng” (là đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị, không gian học tập, trường học xanh, hạ tầng số ...) và “Đầu tư mềm” (là đầu tư về phát triển đội ngũ, chương trình và hoạt động giáo dục chất lượng cao, quản trị nhà trường hiện đại, xây dựng văn hóa và môi trường học đường an toàn - nhân văn - công bằng).

Yêu cầu đặt ra đối với các trường thí điểm là: Các trường phải đạt tối thiểu 60% tiêu chí tại thời điểm lựa chọn, đồng thời cam kết đạt tối thiểu 90% sau 03 năm triển khai, hình thành bộ minh chứng đầy đủ và có cơ chế đánh giá định kỳ. Việc hoàn thiện phải bám đúng cấu trúc 05 tiêu chí/đặc trưng, tránh đầu tư dàn trải; ưu tiên hạng mục để vừa nâng chất lượng dạy học, vừa cải thiện môi trường học đường, vừa hỗ trợ quản trị.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Trên cơ sở thực trạng cụ thể của 09 trường thí điểm (theo Biểu 1, 2, 3 kèm theo), Đề án xác định các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Nhóm trường Mầm non (Mầm non Tam Cường - Xã Vĩnh Am, Mầm non Sao Mai - Phường Thủy Nguyên, Mầm non Liên Hồng - Phường Thạch Khôi)

Thực trạng: Trường Mầm non Tam Cường (13 lớp, 296 trẻ) đạt chuẩn mức 1 năm 2010, diện tích 11.700 m², thiếu 06 phòng nuôi dưỡng, 03 phòng phục vụ học tập, 03 nhà vệ sinh. Trường Mầm non Sao Mai (18 lớp, 594 trẻ) đạt chuẩn mức 2 năm 2021, diện tích 18.000 m², cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu. Trường Mầm non Liên Hồng (21 lớp, 450 trẻ) đạt chuẩn mức 2 năm 2025, diện tích 12.560 m², thiếu 02 phòng nuôi dưỡng, 02 phòng phục vụ học tập, 02 nhà vệ sinh.

a) Nhiệm vụ 1 - Hoàn thiện cơ sở vật chất đạt chuẩn mức 2 và nâng cấp hiện đại: Xây mới bổ sung phòng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cho Mầm non Tam Cường (04 phòng) và Mầm non Liên Hồng (02 phòng); xây dựng bổ sung phòng phục vụ học tập, nhà vệ sinh đạt chuẩn. Đầu tư phòng học thông minh (Mầm non Tam Cường: 13 phòng, Mầm non Sao Mai: 19 phòng, Mầm non Liên Hồng: 21 phòng). Xây dựng bể bơi 4 mùa phù hợp với trẻ mầm non tại mỗi trường. Trang bị đồng bộ thiết bị giáo dục hiện đại, đồ dùng đồ chơi, thiết bị STEM, thư viện điện tử, hệ thống quản trị số.

Đơn vị chủ trì: UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi

Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Tài chính.

Nguồn lực: Ngân sách nhà nước (Mầm non Tam Cường: 27,1 tỷ đồng; Mầm non Sao Mai: 23,7 tỷ đồng; Mầm non Liên Hồng: 26,1 tỷ đồng).

Tiến độ: Hoàn thành năm 2028.

b) Nhiệm vụ 2 - Phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng: Rà soát, bổ sung đủ biên chế giáo viên, nhân viên theo định mức tối đa. Bồi dưỡng 100% cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Phấn đấu 100% cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn, 80% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi, các trường.

Tiến độ: Thực hiện từ năm 2026, hoàn thành cơ bản năm 2028.

c) Nhiệm vụ 3 - Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Triển khai chương trình giáo dục mầm non, lấy trẻ làm trung tâm. Tổ chức cho 100% trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, tiếp cận công nghệ số. Đảm bảo 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, ăn bán trú; tỉ lệ suy dinh dưỡng dưới 2%, thừa cân béo

phì dưới 3%. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi làm quen với bơi lội, nhạc cụ, thể thao phù hợp.

Đơn vị chủ trì: 03 trường mầm non.

Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, phụ huynh.

Tiến độ: Thực hiện hằng năm, từ năm 2026.

2. Nhóm trường Tiểu học (Tiểu học Tân Bình - Phường Lê Thanh Nghị, Tiểu học Núi Đèo - Phường Thủy Nguyên, Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am, Xã Vĩnh Am)

Thực trạng: Trường Tiểu học Tân Bình (39 lớp, 1.324 HS) đạt chuẩn mức 1 năm 2025, diện tích 15.683 m², thiếu 04 phòng học, 04 phòng bộ môn, 01 nhà vệ sinh; có 67 người làm việc (55 giáo viên), thiếu 02 so với biên chế giao và 3,5 so với định mức. Trường Tiểu học Núi Đèo (26 lớp, 990 HS) đạt chuẩn mức 2 năm 2014, diện tích 9.000 m², đủ phòng học; có 43 người làm việc (36 giáo viên), thiếu 04 so với biên chế giao và 03 so với định mức. Trường Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am (21 lớp, 582 HS) đạt chuẩn mức 2 năm 2025, diện tích 11.793 m², đủ phòng; có 36 người làm việc (32 giáo viên), đủ biên chế.

a) Nhiệm vụ 1 - Hoàn thiện cơ sở vật chất: Xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn cho Tiểu học Tân Bình (04 phòng học, 04 phòng bộ môn). Đầu tư phòng học thông minh (Tiểu học Tân Bình: 39 phòng, Tiểu học Núi Đèo: 27 phòng, Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am: 20 phòng). Xây dựng bể bơi, nhà đa năng, thư viện điện tử, phòng STEM/STEAM tại mỗi trường. Trang bị đồng bộ thiết bị dạy học đạt chuẩn, hệ thống quản trị số, hệ sinh thái số giáo dục (AI, LMS).

Đơn vị chủ trì: UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi.

Nguồn lực: Ngân sách nhà nước (Tiểu học Tân Bình: 40,8 tỷ đồng; Tiểu học Núi Đèo: 29,6 tỷ đồng; Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am: 26 tỷ đồng).

Tiến độ: Hoàn thành năm 2028.

b) Nhiệm vụ 2 - Bổ sung biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ: Bổ sung 06 biên chế giáo viên (Tiểu học Tân Bình: 02, Tiểu học Núi Đèo: 04) để đảm bảo tỉ lệ GV/lớp đạt định mức 1,50. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên tiếng Anh, tin học, nghệ thuật và giáo viên có năng lực dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh. Bồi dưỡng 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức Khá trở lên, trong đó 70% đạt mức Tốt. 100% giáo viên ứng dụng thành thạo AI, học liệu số trong giảng dạy.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ; UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi.

Tiến độ: Bổ sung biên chế năm 2027, bồi dưỡng thường xuyên hằng năm.

c) *Nhiệm vụ 3* - Đổi mới giáo dục và phát triển năng lực học sinh: Triển khai dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1; tích hợp tiếng Anh trong các môn Toán, Khoa học. Phần đầu 40% HS lớp 5 đạt năng lực ngoại ngữ bậc 1. 100% HS tham gia ít nhất 02 dự án STEM/STEAM/năm. 100% HS biết chơi ít nhất 01 môn thể thao, trên 80% biết bơi khi hoàn thành tiểu học. 50-70% HS biết sử dụng ít nhất 01 loại nhạc cụ. Xây dựng hồ sơ rèn luyện điện tử cho 100% HS.

Đơn vị chủ trì: 03 trường tiểu học.

Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, đối tác quốc tế.

Tiến độ: Triển khai từ năm 2027, đạt mục tiêu năm 2030.

3. Nhóm trường Trung học cơ sở (THCS Tam Cường - Xã Vĩnh Am, THCS Lê Ích Mộc - Phường Thủy Nguyên, THCS Võ Thị Sáu - Phường Lê Thanh Nghị)

Thực trạng: Trường THCS Tam Cường (13 lớp, 563 HS) đạt chuẩn mức 2 năm 2025, diện tích 11.200 m², đủ phòng học và phòng bộ môn, thiếu 02 nhà vệ sinh; có 25 người làm việc (21 giáo viên), thiếu 02 so với biên chế giao và 3,7 so với định mức. Trường THCS Lê Ích Mộc (36 lớp, 1.699 HS) đạt chuẩn mức 2 năm 2021, diện tích 17.500 m², đang xây dựng 12 phòng, thiếu 08 phòng bộ môn; có 75 người làm việc (56 giáo viên), thiếu 06 so với biên chế giao và 12,4 so với định mức. Trường THCS Võ Thị Sáu (38 lớp, 1.745 HS) đạt chuẩn mức 2 năm 2023, diện tích 10.622 m² (gần bằng diện tích cần tối thiểu 10.470 m²), thiếu 06 phòng học, 11 phòng bộ môn, 03 nhà vệ sinh; có 71 người làm việc (65 giáo viên), đủ biên chế nhưng thiếu 7,2 so với định mức.

a) *Nhiệm vụ 1* - Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại: Đẩy nhanh tiến độ xây mới 12 phòng học tại Trường THCS Lê Ích Mộc; đầu tư bổ sung trang thiết bị cho 06 phòng chức năng. Tại Trường THCS Võ Thị Sáu: Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho 06 phòng chức năng, xây mới 03 công trình phụ trợ. Tại Trường THCS Tam Cường: Xây mới 02 công trình phụ trợ, sửa chữa nâng cấp 13 phòng học. Đầu tư phòng học thông minh (THCS Tam Cường: 16 phòng, THCS Lê Ích Mộc: 37 phòng, THCS Võ Thị Sáu: 36 phòng). Xây dựng bể bơi, nhà thi đấu đa năng, thư viện điện tử, phòng STEM/STEAM, phòng ngoại ngữ tại mỗi trường. Triển khai hệ sinh thái số giáo dục (AI, LMS), hệ thống camera thông minh, quản trị số.

Đơn vị chủ trì: UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi

Nguồn lực: Ngân sách nhà nước (THCS Tam Cường: 24,6 tỷ đồng; THCS Lê Ích Mộc: 24,9 tỷ đồng; THCS Võ Thị Sáu: 28,9 tỷ đồng).

Tiến độ: Hoàn thành năm 2028.

b) *Nhiệm vụ 2* - Bổ sung biên chế và phát triển đội ngũ chất lượng cao: Bổ sung 08 biên chế giáo viên (THCS Tam Cường: 02, THCS Lê Ích Mộc: 06) để

tiền sát định mức 1,90 GV/lớp. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ, tin học và giáo viên có năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh. Phấn đấu 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, 30% trình độ trên chuẩn, 70% đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố. 100% giáo viên có khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp; 100% ứng dụng thành thạo CNTT, AI trong dạy học.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ; UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi

Tiến độ: Bổ sung biên chế năm 2027, bồi dưỡng thường xuyên hằng năm.

c) Nhiệm vụ 3 - Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hội nhập: Tổ chức dạy học tích hợp Toán, Khoa học bằng tiếng Anh; dạy 2 ngoại ngữ tại 100% trường. Phấn đấu 90% HS tốt nghiệp đạt trình độ tiếng Anh A2 trở lên, 30% đạt chứng chỉ quốc tế. 100% HS tham gia hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học; 100% biết chơi 01 môn thể thao và 01 loại nhạc cụ. 50% HS đạt chuẩn tin học quốc tế. Tổ chức giao lưu văn hóa, hợp tác quốc tế; phấn đấu tham gia và đạt giải trường học sinh thái ASEAN.

Đơn vị chủ trì: 03 trường Trung học cơ sở.

Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, đối tác quốc tế.

Tiến độ: Triển khai từ năm 2027, đạt mục tiêu năm 2030.

4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung cho cả 9 trường

a) Giải pháp 1 - Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc: 100% trường xây dựng mô hình "Trường học hạnh phúc"; không có bạo lực học đường và tệ nạn xã hội. Xây dựng quy tắc ứng xử văn hóa; tăng cường phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội. Đảm bảo 100% HS có hoàn cảnh khó khăn, HS khuyết tật được hỗ trợ, không ai bị bỏ lại phía sau.

Đơn vị chủ trì: 09 trường.

Đơn vị phối hợp: Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tiến độ: Thực hiện thường xuyên từ năm 2026.

b) Giải pháp 2 - Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng AI: Triển khai hệ thống quản trị nhà trường thông minh tại 100% trường. Xây dựng kho học liệu số, bài giảng điện tử dùng chung; mô hình "Thư viện thông minh" kết nối liên trường. Ứng dụng AI phân tích dữ liệu học tập, cá nhân hóa lộ trình học tập cho HS. Chuẩn hóa năng lực số cho GV và HS theo Khung năng lực số.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: Đối tác công nghệ.

Nguồn lực: Ngân sách thành phố, xã hội hóa.

Tiến độ: Triển khai từ năm 2027, hoàn thiện năm 2029.

c) Giải pháp 3 - Huy động nguồn lực và đẩy mạnh xã hội hóa: Đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch đầu tư công trung hạn. Huy động sự tham gia đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Nghiên cứu triển khai hợp tác công - tư (PPP) đối với các hạng mục đủ điều kiện.

Đơn vị chủ trì: UBND xã Vĩnh Am, Phường Thủy Nguyên, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Thạch Khôi;

Đơn vị phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính

Tiến độ: Thực hiện thường xuyên.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Hiệu quả kinh tế

1.1. Hiệu quả đầu tư ngân sách (so sánh chi phí - lợi ích)

Việc đầu tư ngân sách cho 09 trường thí điểm (03 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở) mang lại hiệu quả cao nhờ phương pháp đầu tư trọng điểm, đồng bộ và dứt điểm. Thay vì đầu tư dàn trải, nguồn vốn được tập trung để nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn mức độ 2, trang bị phòng học thông minh và thiết bị hiện đại. Lợi ích thu được không chỉ là sự gia tăng giá trị tài sản công mà còn tạo ra môi trường giáo dục chất lượng cao, thu hút sự đóng góp xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp và phụ huynh học sinh, làm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong dài hạn.

1.2. Tác động đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Đề án trực tiếp góp phần đào tạo thế hệ học sinh phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học và tư duy đổi mới sáng tạo. Với quy mô hơn 7.000 học sinh tại 09 trường thí điểm được tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và giáo dục STEM/STEAM, đây sẽ là nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của thành phố Hải Phòng.

1.3. Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương

Sự phát triển của hệ thống giáo dục chất lượng cao tạo sức hút lớn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đến với Hải Phòng, bởi họ có thể yên tâm về môi trường giáo dục cho con em chuyên gia và người lao động. Đồng thời, việc triển khai Đề án cũng thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ đi kèm như cung cấp thiết bị giáo dục, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế học đường và vận tải, góp phần tăng thu ngân sách và tạo thêm việc làm cho người dân địa phương.

2. Hiệu quả xã hội

2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Đề án tạo ra bước đột phá về chất lượng giáo dục toàn diện. 100% học sinh tại các trường thí điểm được đánh giá đạt về phẩm chất, năng lực; 100% học sinh biết chơi ít nhất 01 môn thể thao và 01 loại nhạc cụ. Môi trường học tập được thiết kế theo hướng mở, thân thiện, lấy học sinh làm trung tâm, giúp các em phát huy tối đa tiềm năng cá nhân, tự tin trong giao tiếp và hội nhập.

2.2. Giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục chất lượng

Việc lựa chọn 09 trường thí điểm phân bố đều ở các khu vực khác nhau (nông thôn, ngoại thành, nội thành) thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trong việc đảm bảo công bằng giáo dục. Học sinh ở khu vực nông thôn (như xã Vĩnh Am) cũng được thụ hưởng điều kiện học tập, cơ sở vật chất và phương pháp giảng dạy hiện đại ngang bằng với học sinh ở khu vực trung tâm thành phố.

2.3. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa (phẩm chất, năng lực)

Mô hình tập trung bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Học sinh được giáo dục về lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm với cộng đồng và khát vọng cống hiến. Đây là nền tảng vững chắc để xây dựng thế hệ công dân mới có đủ "Tâm - Tầm - Tài", sẵn sàng gánh vác sứ mệnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.4. Tác động đến cộng đồng và gia đình học sinh

Sự gắn kết chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội được nâng lên tầm cao mới. Phụ huynh được tham gia sâu hơn vào quá trình giáo dục, đồng hành cùng nhà trường trong việc quản lý và định hướng cho học sinh. Mức độ hài lòng của phụ huynh đối với chất lượng giáo dục dự kiến đạt trên 90%, tạo tâm lý phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân.

2.5. Đóng góp vào ổn định xã hội và an ninh trật tự

Môi trường giáo dục kỷ cương, tình thương và trách nhiệm giúp ngăn chặn hiệu quả các tác động tiêu cực từ bên ngoài xâm nhập vào học đường. Học sinh được trang bị kỹ năng phòng chống bạo lực, kỹ năng an toàn trên không gian mạng, góp phần xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, trật tự trị an trên địa bàn thành phố được giữ vững.

3. Hiệu quả về giáo dục và đào tạo

3.1. Nâng cao chất lượng dạy và học

Phương pháp giảng dạy chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức một chiều sang phát triển phẩm chất, năng lực người học. Việc áp dụng các mô hình giáo dục tiên tiến của quốc tế được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn Việt Nam giúp nâng cao rõ rệt tỉ lệ học sinh khá, giỏi và học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp.

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo

Đề án tạo động lực mạnh mẽ để đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tự học, tự bồi dưỡng. 100% giáo viên tại các trường thí điểm đạt chuẩn và trên chuẩn, thành thạo ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong thiết kế bài giảng. Các chính sách thu hút, đãi ngộ đặc thù giúp giữ chân giáo viên giỏi và thu hút nhân tài về công tác tại các trường công lập.

3.3. Đổi mới quản trị nhà trường

Mô hình quản trị nhà trường được đổi mới theo hướng dân chủ, tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Hệ thống quản lý chất lượng nội bộ được thiết lập bài bản, minh bạch. Vai trò của Hội đồng trường được phát huy tối đa, đảm bảo sự giám sát hiệu quả của cộng đồng đối với các hoạt động giáo dục.

3.4. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Chuyển đổi số được thực hiện toàn diện từ công tác quản lý, giảng dạy đến kiểm tra đánh giá. Hệ thống học liệu số, thư viện điện tử và phòng học thông minh được đầu tư đồng bộ. Việc ứng dụng AI giúp cá nhân hóa lộ trình học tập cho từng học sinh, đồng thời giảm tải công việc hành chính cho giáo viên.

4. Khả năng nhân rộng và tác động lâu dài

4.1. Khả năng nhân rộng mô hình ra toàn thành phố (2031-2035)

Sau giai đoạn thí điểm (2026 - 2030), Bộ tiêu chí "Trường học xã hội chủ nghĩa" sẽ được hoàn thiện và chuẩn hóa. Với các bài học kinh nghiệm được đúc kết, mô hình hoàn toàn có tính khả thi để nhân rộng ra các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2031 - 2035, tạo nên một hệ sinh thái giáo dục đồng bộ, chất lượng cao.

4.2. Tác động lan tỏa đến các tỉnh/thành phố khác

Thành công của Đề án tại Hải Phòng sẽ là minh chứng thực tiễn sinh động, cung cấp luận cứ khoa học cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc hoạch định chính sách giáo dục quốc gia. Mô hình này có thể trở thành hình mẫu tham khảo giá trị cho các tỉnh, thành phố khác trong cả nước học tập và áp dụng.

4.3. Đóng góp vào mục tiêu quốc gia về giáo dục

Đề án trực tiếp hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết 29-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua đó, khẳng định tính ưu việt của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển.

Phần thứ năm
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến đầu tư 09 trường mô hình mẫu giai đoạn 2026 - 2030 là **251,68** tỷ đồng (làm tròn 252 tỷ đồng). Nguồn vốn chủ yếu từ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách và đầu tư công; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Bảng tổng hợp dự toán theo trường:

| STT | Tên trường | Tổng mức (tỷ đồng) |
|------------|--|-------------------------------|
| 1 | Trường MN Tam Cường (Xã Vĩnh Am) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2010 | 27,10 |
| 2 | Trường MN Sao Mai (Phường Thủy Nguyên) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2021. | 23,70 |
| 3 | Trường MN Liên Hồng (Phường Thạch Khôi) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ mức 2 năm 2025 | 26,10 |
| 4 | Trường Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am (Xã Vĩnh Am) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2025 | 26,00 |
| 5 | Trường Tiểu học Núi Đèo (Phường Thủy Nguyên) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2014 | 29,60 |
| 6 | Trường Tiểu học Tân Bình (Phường Lê Thanh Nghị) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2025 | 40,80 |
| 7 | Trường THCS Tam Cường (Xã Vĩnh Am) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2025 | 24,60 |
| 8 | Trường THCS Lê Ích Mộc (Phường Thủy Nguyên) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2021 | 24,90 |
| 9 | Trường THCS Võ Thị Sáu (Phường Lê Thanh Nghị) - Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2023 | 28,90 |

(Danh mục dự kiến đầu tư và kinh phí tại Phụ lục 2).

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan thường trực, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

b) Xây dựng Kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo các trường liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án với mục tiêu, lộ trình, biện pháp thực hiện cụ thể.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng thành phố và các Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan tham mưu, đề xuất việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Đề án.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cấp kinh phí để thực hiện Đề án.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì cùng Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí ngân sách hàng năm để thực hiện Đề án.

b) Chủ trì theo phân cấp: Thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công; theo dõi kiểm tra, đánh giá đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công.

3. Sở Xây dựng

a) Thẩm định thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật.

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư trong công tác lập Quy hoạch xây dựng, lập và triển khai dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng các trường học đảm bảo theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật xây dựng và các tiêu chí có liên quan đến lĩnh vực xây dựng trong đề án.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp tham mưu bổ sung số người làm việc cho các địa phương, đơn vị đảm bảo đúng định mức theo quy định (trong đó ưu tiên các trường học thực hiện thí điểm mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa”).

5. Trường Đại học Hải Phòng

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường để nâng cao năng lực đội ngũ; bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp giáo dục tiên tiến, ngoại ngữ, năng lực số.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

a) Nghiên cứu, triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hướng tới xây dựng các trường học tiệm cận theo các tiêu chí của mô hình “Trường học xã hội chủ nghĩa”.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; phát triển đội ngũ và đổi mới quản trị; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Vĩnh Am, Thủy Nguyên, Lê Thanh Nghị, Thạch Khôi (có trường thực hiện thí điểm)

a) Tổ chức thực hiện đầu tư theo phân cấp; chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan thực hiện; bảo đảm mặt bằng, tiến độ; phối hợp vận hành.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

c) Ngoài nguồn ngân sách của thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa, phục vụ phát triển giáo dục và đào tạo tại địa phương.

8. Các nhà trường (09 trường thí điểm):

a) Tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến Đề án tại đơn vị, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra của Đề án.

b) Xây dựng kế hoạch chi tiết; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hệ thống số; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; tăng cường phối hợp với phụ huynh và cộng đồng trong tổ chức thực hiện./.